

PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU

Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn theo các yêu cầu của:
Luật Hóa chất (Điều 29) và các văn bản quy định thi hành Luật Hóa chất (Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Chương IV; Thông tư số 32/2017/TT-BCT, Phụ lục 9)



Mã số CAS của hóa chất và tên sản phẩm

Số CAS Không có thông tin

Số UN hoặc số ID Không được quy định

Số EC Không có thông tin

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Không có thông tin

<u>Nguy cơ sức khỏe</u>	<u>Khả Năng Cháy</u>	<u>Tính không bền</u>	<u>Mối nguy hiểm đặc</u>
0	0	0	biết

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):
Không có thông tin

Ngày Ban Hành 20-Thg8-2021
Việt Nam EN

Ngày Sửa Đổi 31-Thg8-2021

Số Hiệu Bản Sửa Đổi 1.0

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên thường gọi của hóa chất Etylen-vinyl acetat copolyme

Tên thương mại Etylen-vinyl axetat Xanh (Green Ethylene-vinyl acetate)

Các tên khác Ethylene-vinyl acetate copolymer

(Các) Mã Sản Phẩm SVT2180

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ

Nhà cung cấp

Braskem S.A.
Rua Eteno, 1561, Polo Petroquímico de Camaçari
Camaçari, BA, CEP: 42810-000, Brazil
Tel: +55 (71) 3413-3600

Tên nhà sản xuất và địa chỉ

Nhà sản xuất

Braskem S.A.
BR 386 - Rodovia Tabai-Canoas - Km 419 de Contorno 1178 - Polo Petroquímico
Lote 29 - Passo Raso - Triunfo, RS
CEP: 95853-000

Mục đích sử dụng

Công dụng đề nghị

Công nghiệp
Sử dụng nghề nghiệp
Các chế phẩm và hợp chất polymer

Các mục đích sử dụng được
khuyến nên tránh

Không có thông tin.

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:

Số điện thoại khẩn cấp

CHEMTREC Việt Nam (Hà Nội): +(84)-444581938
CHEMTREC Quốc tế: +1 703-741-5970

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

1 GHS Phân loại

Không được phân loại

2 Cảnh báo nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ
Không được phân loại

Các hiểm họa khác không dẫn đến phải phân loại
Có thể tạo thành những nồng độ bụi có thể cháy trong không khí

3 Các đường tiếp xúc và triệu chứng

Tiếp xúc với mắt	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp.
Hít phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp.
Tiếp xúc với da	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp.
Ăn phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp.
Triệu chứng	Không có thông tin.

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Chất

Không áp dụng.

Hỗn hợp

Không được phân loại

Tên hóa chất	Số CAS	% trọng lượng
Etylen-Vinyl acetat polyme	24937-78-8	> 99

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Hướng dẫn chung

Mang theo một bản sao của Bản Thông Tin An Toàn khi đi điều trị. Tìm y tế chăm sóc nếu xuất hiện triệu chứng.

1 Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt

Lập tức rửa bằng nhiều nước, trong lúc rửa kéo các mí mắt ra, trong thời gian ít nhất 15 phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và thuận tiện. Tiếp tục rửa. Tìm y tế chăm sóc.

2 Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Không có rủi ro sức khỏe liên quan đến tiếp xúc với da ở nhiệt độ phòng. Trong trường hợp tiếp xúc với sản phẩm nóng và nếu xảy ra kích ứng, hãy rửa bằng nhiều nước. Tìm y tế chăm sóc.

3 Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Không có rủi ro liên quan đến việc hít phải ở nhiệt độ phòng. Trong trường hợp hít phải bụi hoặc hơi ở nhiệt độ cao, đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và nghỉ ngơi. Tìm y tế chăm sóc nếu xuất hiện triệu chứng.

4 Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

Súc sạch miệng với nước. KHÔNG gây nôn. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì. Tìm y tế chăm sóc.

5 Bác sĩ cần lưu ý

Điều trị triệu chứng.

Triệu chứng

Trong trường hợp hình thành bụi và hít phải bụi, có thể gây ho và hắt hơi.

Việc tự bảo vệ của nhân viên sơ cứu

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da. Sử dụng vật chắn khi làm hô hấp nhân tạo miệng-quá-miệng. Phải chắc chắn cho nhân viên y tế biết (các) vật liệu có liên quan để họ sử dụng các biện pháp phòng ngừa để tự bảo vệ.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**1 Tính chất cháy**

Bụi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí.

2 Sản phẩm cháy nguy hiểm

Cacbon monoxit. Carbon dioxide (CO₂).

3 Các tác nhân gây cháy, nổ hoặc các hiểm họa đặc biệt khác

Tránh phát sinh bụi. Bột mịn phân tán trong không khí có thể sẽ bốc cháy. Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến phóng thích ra các khí và hơi kích ứng và độc.

4 Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**Chất Chữa Cháy Phù Hợp**

Nước xịt, carbon dioxide (CO₂), hóa chất khô, bột chịu alcol.

Chất chữa cháy không phù hợp

Chưa biết theo thông tin cung cấp.

5 Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Nhân viên chữa cháy nên sử dụng thiết bị thở độc lập và trang bị bảo hộ chữa cháy đầy đủ. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân.

6 Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ**Dữ liệu nổ**

Độ nhạy với va chạm cơ học Không có.

Độ nhạy với phóng tĩnh điện Không có.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**1 Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ****Tràn đổ nhỏ**

Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu. Thu gom và thải bỏ. Xem Mục 8 & 13 để biết thêm thông tin.

2 Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng**Các biện pháp đề phòng cá nhân**

Tránh hít bụi. Bảo đảm thông khí đầy đủ. Tránh phát sinh bụi. Tránh tiếp xúc với mắt. Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu. Không hít bụi. LOẠI BỎ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, không pháo sáng hoặc tia lửa hay ngọn lửa trong các khu vực kề cận). Có biện pháp phòng ngừa tích điện.

Các cảnh báo về môi trường

Xem Mục 12 để biết thêm thông tin về Sinh Thái.

Phương pháp ngăn chặn

Thu gom và chuyển vào thùng đựng có dán nhãn thích hợp. Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn. Ngăn ngừa bụi.

Các phương pháp làm sạch

Thấm hút bằng vật liệu trơ, ẩm, không cháy sử dụng các dụng cụ làm sạch không gây ra tia lửa để thu gom và cho vào thùng nhựa đầy hồ nắp để thải bỏ sau này. Thu gom và chuyển vào thùng đựng có dán nhãn thích hợp.

Phòng ngừa các nguy cơ thứ cấp

Làm sạch cẩn thận những đồ vật và khu vực bị nhiễm, theo các quy định về môi trường.

Thông tin khác

Tham khảo các biện pháp bảo vệ nêu tại mục 7 và 8.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản**1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Bảo đảm thông khí đầy đủ. Tránh phát sinh bụi. Không hít bụi. Tránh tiếp xúc với mắt. Tránh xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần, và các nguồn lửa khác. Không hút thuốc. Sử dụng các dụng cụ chống tia lửa và thiết bị chống nổ. Có biện pháp phòng ngừa tích điện.

2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô, mát, thông khí tốt.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**1 Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết****Hướng dẫn về tiếp xúc**

Sản phẩm này, như khi được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào có các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp do các cơ quan quy định riêng của khu vực thiết lập.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp sinh học

Sản phẩm này, như khi được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào có các giới hạn sinh học do các cơ quan quy định riêng của khu vực thiết lập

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Phòng tắm

Điểm rửa mắt

các hệ thống thông gió.

2 Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**Phương tiện bảo vệ mắt/mặt**

Kính bảo hộ. Trong trường hợp bụi: Không nên đeo kính áp tròng.

Bảo vệ da và cơ thể

Bộ quần áo bảo hộ.

Phương tiện bảo vệ tay

Găng tay bảo hộ.

Phương tiện bảo vệ đường hô hấp

Không cần sử dụng trang bị bảo hộ trong điều kiện sử dụng bình thường. Nếu vượt quá các giới hạn tiếp xúc hoặc bị kích ứng, có thể cần phải thông khí và sơ tán.

3 Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Nên sử dụng thêm trang bị bảo hộ như bộ quần áo, ủng và kính che mặt chống hóa chất tùy theo công việc được thực hiện.

4 Các Biện Pháp Vệ Sinh

Không hít bụi.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất**Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất**

Ngoại quan	Hạt
Trạng thái vật lý	Rắn
Màu	Trắng đến trắng ngà
Mùi	Không có thông tin
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin

Tính chất**pH****Điểm chảy / điểm đông****Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu****Điểm chớp cháy****Tốc độ bay hơi****Khả Năng Cháy****Giá trị**

60 - 105 °C / 140 - 221 °F
°C / °F

Nhận Xét • Phương pháp

Không áp dụng

Không có dữ liệu

Không áp dụng

Không có dữ liệu

Không áp dụng

Không dễ cháy

Giới Hạn Cháy trong Không Khí		
Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ trên		Không có dữ liệu
Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ dưới		Không có dữ liệu
Áp suất hơi		Không có dữ liệu
Tỷ trọng hơi		Không có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	0.910 - 0.960 g/cm ³	Không có dữ liệu
Độ tan trong nước	Không tan trong nước	Không có dữ liệu
Độ tan trong các dung môi khác	Dung môi hữu cơ	Không có dữ liệu
Hệ số phân tách		Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy		Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy		Không có dữ liệu
Độ nhớt động học		Không có dữ liệu
Độ nhớt động lực học		Không có dữ liệu

Thông tin khác

Tính chất nổ	Không có thông tin.
Tính chất oxy hóa	Không có thông tin.
Điểm hóa mềm	Không có thông tin
Trọng lượng phân tử	Không có thông tin
Hàm lượng Chất Hữu Cơ Bay Hơi (%)	Không có thông tin
Tỷ Trọng Chất Lỏng	Không có thông tin
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	Không có thông tin

PHẦN 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất**1 Độ bền**

Bền trong các điều kiện thông thường.

2 Khả năng hoạt động của hóa chất

Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại

Các sản phẩm phân hủy phụ thuộc vào nhiệt độ, tiếp xúc với không khí và sự có mặt của các chất khác. Quá trình chế biến có thể thải ra khói gây khó chịu.

Khả năng gây ra các phản ứng nguy hại

Không có trong điều kiện xử lý bình thường.

Các vật liệu không tương thích

Chưa biết theo thông tin cung cấp.

Các tình trạng cần tránh

Tạo thành bụi,

Polyme hóa gây nguy hiểm

Không có trong điều kiện xử lý bình thường.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**1 Các ảnh hưởng mãn tính với người**

Ăn mòn/kích ứng da	Không có thông tin.
Tổn thương nghiêm trọng mắt/ kích ứng mắt	Không có thông tin.
Nhạy hô hấp hoặc da	Không có thông tin.
Đột biến tế bào mầm	Không có thông tin.
Khả năng gây ung thư	Không có thông tin.
Độc tính sinh sản	Không có thông tin.
STOT - tiếp xúc một lần	Không có thông tin.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Không có thông tin.
2 Các ảnh hưởng độc khác	
Nguy hại hô hấp	Không có thông tin.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

1 Độc tính với sinh vật

Tác động môi trường của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

2 Tác động môi trường

Độ bền vững và độ phân hủy

Không có thông tin.

Tích lũy sinh học

Không có thông tin.

Tính di động trong đất

Không có thông tin.

Khả năng di chuyển

Không có thông tin.

Các tác động có hại khác

Không có thông tin.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ

1 Yêu cầu trong việc thải bỏ

Chú thích về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

2 Xếp loại nguy hiểm của chất thải

Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về ngưỡng chất thải nguy hại

Không áp dụng

3 Các biện pháp xử lý chất thải

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Thải bỏ theo quy định của địa phương Thải bỏ chất thải theo luật môi trường

4 Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**Bao bì đã bị nhiễm**

Không sử dụng lại thùng đựng đã rỗng hết

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

IMDG	Không được quy định
IATA	Không được quy định
ADR	Không được quy định

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật**1 Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới**

Liên hệ nhà cung cấp để biết thông tin về tình trạng tuân thủ danh mục

2 Phân loại nguy hiểm theo quốc gia

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Không có thông tin

Nguy cơ sức khỏe
0Khả Năng Cháy
0Tính không bền
0Mối nguy hiểm đặc biệt
-

Nghị Định Thư Montreal về các chất Tiêu Hủy tầng Ozone Không áp dụng

Hiệp Ước Stockholm về Chất Ô Nhiễm Hữu Cơ Bền Không áp dụng

Hiệp Ước Rotterdam Không áp dụng

3 Đạt quy chuẩn kỹ thuậtCác quy định được áp dụng: Không tìm thấy thông tin nào có thể áp dụng**PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn

Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Ngày Ban Hành 20-Thg8-2021**Ngày Sửa Đổi** 31-Thg8-2021**Chú Thích về Sửa Đổi** Phóng Thích Lần Đầu.**Giải thích hoặc chú thích các từ viết tắt sử dụng trong bản thông tin an toàn**

IMDG	Quy Định Quốc Tế về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Hóa Gây Nguy Hiểm (IMDG)
IATA	Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế (IATA)
ADR	Hiệp Ước Châu Âu về Vận Chuyển Quốc Tế Hàng Nguy Hiểm theo Đường Bộ
NFPA	Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia (NFPA), Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ

Chú giải	Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN		
TWA	TWA (mức trung bình theo thời gian)	STEL	STEL (Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn)
Trần	Giá trị giới hạn tối đa	*	Xếp loại da

Tài liệu tham khảo và nguồn dữ liệu chính dùng để biên soạn Phiếu An Toàn Hóa Chất

Cơ Sở Dữ Liệu ChemView của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ
 Cơ Quan An Toàn Thực Phẩm Châu Âu (EFSA)
 EPA (Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường)
 (Các) Mức Tiếp Xúc Cấp Tính theo Hướng Dẫn (AEGL)
 Đạo Luật của Liên Bang về Thuốc Trừ Sâu, Thuốc Diệt Nấm, và Thuốc Diệt Loài Gặm Nhấm của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ
 Hóa Chất Có Khối Lượng Sản Xuất Lớn của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ
 Tạp Chí Nghiên Cứu Thực Phẩm (Food Research Journal)
 Cơ Sở Dữ Liệu Chất Nguy Hiểm
 Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất (IUCLID)
 Phân Loại GHS Của Nhật Bản
 Chương Trình Quốc Gia về Đánh Giá và Khai Báo Hóa Chất Công Nghiệp của Úc (NICNAS)
 NIOSH (Viện Quốc Gia về An Toàn Lao Động và Bệnh Nghề Nghiệp)
 ChemID Plus của Viện Y Học Quốc Gia (NLM CIP)
 Chương Trình Chất Độc Quốc Gia (NTP)
 Cơ Sở Dữ Liệu về Phân Loại và Thông Tin Hóa Chất của New Zealand (CCID)
 Các Ấn Phẩm về Môi Trường, Sức Khỏe, và An Toàn của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
 Chương Trình Hóa Chất Có Khối Lượng Sản Xuất Lớn của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
 Bộ Dữ Liệu Thông Tin Sàng Lọc (SIDS) của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
 Tổ Chức Y Tế Thế Giới

Tuyên bố miễn trách

Thông tin cung cấp trong Phiếu An Toàn Hóa Chất này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp này chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn